**NHÓM 8:**

**Nhóm Giáo viên: Đỗ Thị Hương Lan - Nguyễn Mai Thanh - Hà Thị Huyền Chang- Lý Ánh Nguyệt - Nguyễn Quang Hiếu và Nguyễn Thu Hồng soạn.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dạy học** | **Phương pháp, phương tiện** | **Chuẩn bị trước giờ học của HS** |
| **Đọc hiểu**  Văn bản 1: Bản đồ dẫn đường.  (3 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | – Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK .  – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2. |
| Thực hành tiếng Việt  Mạch lạc và liên kết (biên pháp liên kết và từ ngữ liên kết) (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | – Đọc trước các mục . |
| Văn bản 2: Hãy cầm lấy và đọc (2 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | Thực hiện phiếu học tập. |
| Thực hành tiếng Việt  Thuật ngữ (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,...  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | Thực hiện phiếu học tập |
| Văn bản 3: Nói với con  (1 tiết) | Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Thực hiện các nhiệm đọc hiểu được giao. |
| Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)  (3 tiết) | – Phương pháp: Dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi tìm làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, phiếu học tập | Đọc yêu cầu đối với văn bản tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo. |
| Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (2 tiết) | – Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,…  – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí. | Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK ) |
| Thực hành đọc | Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Thực hiện các nhiệm đọc hiểu được giao. |

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**(13 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành*, học sinh (HS) có thể:

***1.Kiến thức***

- Xác định được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận biết được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

***2.Về năng lực***

***\*Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

***\* Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***3. Về phẩm chất***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**-** Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

- Khắc sâu được những kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm của văn nghị luận.

- HS thấy sự khác nhau giữa VB nghị luận và VB văn học

**b. Nội dung**:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **1. Tìm hiểu: *Giới thiệu bài học***  **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệu bài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.  **B3.Báo cáo, thảo luận:**  HS chia sẻ kết quả trước lớp.  **B4.Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học.  **2. Khám phá *Tri thức ngữ văn[[1]](#footnote-1)***  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1.  GV yêu cầu HS vận dụng tri thức ngữ văn đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nhớ lại nội dung đã học, chẳng hạn của trong bài 8 của chương trình ngữ văn 6 các em đã được làm quen với Văn nghị luận, hãy nhớ lại để trả lời các câu hỏi:  *+ Nêu định nghĩa văn nghị luận*  *+ Nêu đặc điểm của văn nghị luận (VB nghị luận viết (nói nhằm mục đích gì?Có yếu tố cơ bản nào trong văn nghị luận? Những yếu tố ấy có vai trò gì?*  ở bài Trải nghiệm để trưởng thành có gì mới?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm.  – GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp.  **Báo cáo, thảo luận:**  GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Các nhóm khác nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhắc lại các khái niệm về văn nghị luận, một số yếu tố cơ bản trong văn nghị luận, mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB. | **- Chủ đề**: Trải nghiệm để trưởng thành.  - **Thể loại đọc chính:** nghị luận  **I.Tri thức đọc hiểu về văn nghị luận.**  **1. Khái niệm:**  - Văn bản nghị luận là loại văn bản chú yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  - Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của minh.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực té đới sống hoặc †ử các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  **2. Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  - Lập luận trong bài viết phụ thuộc vào cách sắp xếp lí lẽ và bằng chứng.  - Ý kiến cần mới mẻ, sâu sắc toàn diện, có thể độc đáo nhưng không thể đi ngược lại chân lí, lẽ phải.  - Mỗi ý kiến cần một số lí lẽ đi kèm để bảo đảm sự tường minh. Lí lẽ được xây dựng dựa trên những câu hỏi.  - Bằng chứng là cơ sở để các lí lẽ đưa ra có tính thuyết phục, đáng tin cậy. Yêu cầu của bằng chứng là phải xác thực, toàn diện, tiêu biểu và độc đáo.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ. |

**II. ĐỌC VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**(Đa – ni en Gót – li - ép)**

**1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ:    Các em quan sát bản đồ vàvai trò của nó đối với du khách lẩn đầu tiên đến một nơi xa lạ (thành phố).  Vỉ *sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?*  *Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường' hay đã có “con đường" do ai đó vạch sẵn?*  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  – Lưu ý, có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  **B3.Báo cáo, thảo luận:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **B4.Kết luận, nhận định:**  Khi lần đầu tiên có mặt ở một miến đất lạ, tấm bản đổ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến.  Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ững dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.  Con đường được nói đến ở đầy không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển.  GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**2. Hoạt động 2** **Hình thành kiến thức mới:**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định..

- Học sinh hiểu được đặc điểm của một văn bản nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. Mối quan hệ giữa các yếu tố này.

- HS nắm được cách tổ chức một văn bản nghị luận;.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Bản đồ dẫn đường* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d.Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về TG Đa – ni -en Gót – li -ép. (HS đã chuẩn bị ở nhà).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * Học sinh làm việc cá nhân   **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Trải nghiệm cùng văn bản | | **1. Tác giả**  - Đa – ni en Gót – li – ép sinh năm 1946. Người Mĩ.  - Nhà tâm lí học thực hành, Bác sĩ điều trị tâm lí đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần.  - Một số TP tiêu biểu: Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2008), Học từ trái tim (2008)  **2. Tác phẩm.**  Văn bản trích Bản đồ dẫn đường trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”. | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | | | |
| **a. Mục tiêu**: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục, vấn đề chính của VB  **b. Nội dung hoạt động**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động.** | | | |
| **(1) HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  -Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK:  **(2) HỌC SINH THẢO LUẬN NHÓM THEO KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN**  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  *+* ***Văn bản viết về vấn đề gì?***  ***HS nhận nhiệm vụ thảo luận nhóm, theo kĩ thuật khăn trải bàn (mỗi nhóm cá nhân ghi ý kiến riêng của mình (3P)***  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. ***Mỗi nhóm thống nhất ghi đáp án chung vào ô giữa phiếu.***  + GV quan sát, khích lệ HS.  Câu hỏi tháo gỡ khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Ngoài phương thức nghị luận là chính, HS có thể thấy VB còn có PTBĐ khác kết hợp như tự sư, biểu cảm. | | **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó ( SGK)  **2. Kết cấu:**  **a. Phương thức biểu đạt:** nghị luận.  **b. Bố cục:** 3 phần  **\*Phần 1: Giới thiệu vấn đề** *"Chúng ta cần phải bước vào bóng tối")*  => Nêu vấn đề nghị luận( kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn).  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề:**  (Tiếp … đến “*chính kinh nghiệm của mình”*):  **=>** Chính tấm bản đồ quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống với mọi người và chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với thành bại của chúng ta trong cuộc sống .  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề:** Đoạn còn lại **=>** Nhắc lại thông điệp mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”.  **\* Vấn đề:** bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định. | |
| **III. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | | | |
| **a.Mục tiêu:**  - HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn  - Nhận thức được trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  b.**Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c.Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thành ở nhà.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **NV1 Tìm hiểu phần giới thiệu vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01,02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?*  *2.* [*Nêu tác dụng của cách mở đầu vă*](https://blogtailieu.com/)*n bản bằng việc kể lại câu chuyện cố tính chất ngụ ngôn.*  *3. Mục đích kể chuyện của người viết?*  *Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?*  *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?*  *4. Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1.Giới thiệu vấn đề**  \*Bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  **-** Dẫn dắt vấn đề bằng câu chuyện ngụ ngôn  => Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.   * Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. | | |
| **NV2 Tìm hiểu phần giải quyết vấn đề.**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết hệ thống lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả dùng để lập luận làm nổi bật ý nghĩa phong phú của hình ảnh “bản đồ”  - Rút ra được bài học về cách dùng dẫn chứng trong văn nghị luận  - Hiểu được tình cảm của tác giả trước vấn đề được bàn bạc, trao đổi.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhôm.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 03** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản?*  *Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và* bằng *chứng?*  *“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc ấyy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2.Giải quyết vấn đề**  **\*Các ý kiến:**  **-Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:**  **+ Lí lẽ:**   * Cách nhìn nhận cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. * Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau.   **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  -**Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân.**  **- Lí lẽ:**  **+** Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “ nhìn nhận về bản thân”: *Tôi có phải là loại người đáng yêu?Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khan tôi sẽ ngã gục hay chiến đấu một cách ngoan cường?*  **+** *Người viết lí giải:* Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.  **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông có thay đổi đáng kể từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì?  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  **\* Bài học:**  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quí, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định. | | |
| **NV3. Thảo luận:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận.  - HS trao đổi theo nhóm **Phiếu học tập số 4. Chia lớp thành 4 nhóm.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, đại diện nhóm lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **- Đại diện** HS lên trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **\*Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau.** | | | |
| **NV4 Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi các nhân.  *Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?*  *Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*  *Chúng ta có cần phải thực hiện những điều“ông“ muốn Sam làm không?Vì sao?*  *Nhận xét gì về phần kết thúc vấn đề?*  *Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là dạng bài trình bày ý kiên sphanr đối?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, các nhân lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3.Kết thúc vấn đề.**   * Trong lời khuyên của “ông“ muốn “ cháu“ làm hai điều:   + Thứ nhất: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  + Thứ hai: tấm bản đồ đó“cháu“ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.   * Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình. * *Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.* | | |
| **IV. TỔNG KẾT** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  *Theo em chúng ta cần những điều kiện nào để tìm ra bản đồ cho chính mình?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | | | **1.Nghệ thuật**:  - Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu …  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Chúng ta cần phải tìm kiếm cho mình tấm bản đồ. Mỗi người có hành trình riêng, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, không thể vay mượn hay bắt chước bất kì ai. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:

**Câu 2:** *Trên “con dường" đi tới tưong lai của bản thân, “tấm bản đó’ có vai trò như thế nào?* Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**B 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**B4: Kết luận, nhận định:**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:  
  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**Câu 2: Đoạn văn cần đáp ứng những yêu cầu sau:**

**-Về nội dung:**

**+** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “Tấm bản đồ”.

+ “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng mình lựa chọn: nó có thể giúp con người vượt qua những khó khan thử thách trên từng bước đường đời….

* **Về hình thức:**

+ Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng.

+ các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp.

+ Hạn chế lỗi về chính tả và diễn đạt.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  Câu 1:Từ việc đọc hiểu văn bản "Bản đồ dẫn đường ", em hãy rút ra mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong một bài văn nghị luận.  Câu 2: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn(khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lười câu hỏi của ông “ Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?” **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm .  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần). | **\*Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  - ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*  - **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Hình ảnh | Ý nghĩa |
| *Tấm bản đồ dẫn dường* | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| Nơi sáng sủa | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Bóng tối | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Con đường | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | |
| 1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì? | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… | |
| 2. Mục đích kể chuyện của người viết?  Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?  Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | |
| 3 Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Tấm bản đồ** | **Cách nhìn về cuộc đời,**  **con người** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| **Cách nhìn nhận về bản thân** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng? | | ……………………………………….  ………………………………………. |
| *2.“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc áy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì? | | ……………………………………….   1. ……………………………………. 2. ………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** | |
| 1. Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |
| 3. Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? | ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………. |
| 4. Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy?  -Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết

- Nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề**

**a.Mục tiêu**:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

- Cùng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phwuong tiện kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:  *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đóm con gà, con chó cũng vàng mượt. Tất cả nhuộm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định:***  GV chốt và dẫn vào bài: Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. | - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:  + Thống nhất về đề tài  + Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản  - Đề tài: Vẽ lên một bức tranh quang cảnh ngày mùa trù phú, đầm ấm, tươi sáng => Quang cảnh ngày mùa tươi sáng  - Trình tự: không gian: cao -> thấp, gần -> xa |

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: + Phép nối sử dụng từu ngữ nối.

+ Phép thế sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

+ Phép lặp được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **I.NỘI DUNG** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?  - Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?  - Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?  - Nhận diện các phép liên kết và phương tiện liên kết qua các ngữ liệu sau:  a) *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  b) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng, để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  c) *Cháu biết không, tấm bản đồ đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và ông bền vững.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **1. Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**  - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:   * Phép nối (đoạn a – “Nhưng” * Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”) * Phép lặp (đoạn c – “ông”) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt về các phép liên kết và từ liên kết

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **II. LUYỆN TẬP** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu SGK, tr.59.60  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức.  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Chỉ ra phép liên kết, từ liên kết trong các ngữ liệu sau:  a)  Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, … Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến.  Muốn như thế thì thầy giáo, học trò, cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.  b)  Từ đó, dân ta càng khổ cực, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.  c)  Lan đã học hành chăm chỉ. Vì vậy, bạn ấy đã đạt thành tích cao trong kì thi cuối cấp.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt đáp án. | **Bài 1 (59)**  **Câu 1:**  + Đoạn 1: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố  + Đoạn 2: Ông luôn tin tưởng vào mọi người, ngược lại mẹ ông luôn hoài nghi  + Các câu đều tập trung thể hiện chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.  **Câu 2:**  + Đoạn 1:  Câu 2-1: Lặp từ ngữ: *bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*  Câu 3-2: Lặp từ: “ông”  Câu 4-3: Đại từ thay thế: *mẹ ông – Bà*  Lặp từ: “ông”  Câu 5-4: Từ ngữ thay thế: *quan điểm đó*...  Lặp từ: “ông”  + Đoạn 2: Lặp từ: “ông”  **Câu 3:**  - Phương tiện liên kết đoạn:  Câu 1 (đoạn 2)– từ liên kết: “Nhưng”  Lặp từ “quan điểm”  **Câu 4:**  Tập hợp 1: 2,4,1,5,3 -> không còn phương tiện liên kết, không có mối quan hệ về nội dung  Tập hợp 2: 7,3,4,6,1,5,2 -> phương tiện liên kết vẫn tồn tại, không có sự liên hệ về nội dung  => Hỗn độn, không toát ra chủ đề  **Câu 5:**  - Không thay đổi nội dung, ý nghĩa ở mỗi đoạn  - Không có quan hệ logic, không phù hợp với thực tế giao tiếp (Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn người – ông sẽ kể câu chuyện)  **Bài 2**  a) Câu 1, 2: lặp “trường học” -> Phép lặp  Đoạn 1, 2: thay thế: “trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến” -> “như thế” -> Phép thế  b) Câu 1, 2 liên kết bằng “Kết quả” -> Phép nối  c) Phép nối: “Vì vậy” |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của bạo lực học đường. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, viết bài.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhận xét, đánh giá. | - Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu  - Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại của bạo lực học đường  - Sử dụng ít nhất một phép liên kết |

**------------------------------------------------------**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**Văn bản 2: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

**(Huỳnh Như phương)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

* HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.
* HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung:***

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

***\* Năng lực đặc thù:***

*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết *); năng lực văn học.*

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản nghị luận.

+ Nêu được ấn tượng về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

+ Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, vấn đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong 1 VB nghị luận.

- **HS hiểu được** ý nghĩa của việc dùng thuật ngữ trong văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a.Mục tiêu**:

Mục đích là để kết' nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

**b.Nội dung**:

Trao đổi, chia sẻ trong nhóm và trước lớp những suy nghĩ, nhận thức của bản thân.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.?*

*2. Em thich đọc loại sách nào? Em đã từng thu được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, suy nghĩ, viết câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hãy cầm lấy và đọc* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả Huỳnh Như Phương.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tác giả:** https://vanhocsaigon.com/wp-content/uploads/2019/10/Huynh-Nhu-Phuong-vcpn-300x207.jpg  Huỳnh Như Phươngng sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giảng viên đai hoc. nhà nghiên cứu phê binh văn hoc. Tác phẩm chính: *Din vào tác phẩm văn chuông* (1986); *Trường phài Hmh thúc Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc* (2008);  *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);.. |
| **NV2: Tìm hiểu chung về VB “ Hãy cầm lấy và đọc”**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV yêu cầu HS nêu hoàn cảnh ra đời:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  **\*GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  1. Chỉ ra PTBĐ chính của VB?Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?  2.Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | Soạn bài Hãy cầm lấy và đọc | Ngắn nhất Soạn văn 7 Kết nối tri thứchttps://readvii.com/wp-content/uploads/2020/07/sach-hay-cam-lay-va-doc-191x300.png  **2. Tác phẩm.**  Viết năm 2016**.**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **b. Hình thức văn bản**  **\* PTBĐ: Nghị luận.**  **\* Vấn đề:** bàn luận về việc đọc sách.   Điều này thể hiện trước hết ở:   * ***Nhan đề:*** Hãy cầm lấy và đọc. * ***Bố cục:***   + Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.  + Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thần bài đều nói về việc đọc sách.  + Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách.  **\*Các sự việc chính:**  - Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh.  - Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người.  - Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta.  - Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách.  - Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách.  - Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hoá đọc.  - Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách. |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VB.** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  **b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP** | | | 1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB ntn? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Những lí lẽ, bằng chứng nói về:  - Vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống.  - Tình trạng văn hóa đọc: | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………… | | 3. Phương pháp khắc phục: | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | | 4. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB ntn?*  *3. Những lí lẽ, bằng chứng nói về vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống?*  *4.Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?*  *5. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao?*  *6. NX về cách kết thúc vấn đề ở cuối VB?*  **Bước 2: : Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VB:**  **1. Giới thiệu vấn đề:**  Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh trở thành một thông điệp ***: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.***  **2. Giải quyết vấn đề:**  **\* Vai trò của sách trong đời sống:**  ***- Lí lẽ***: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.  ***- Bằng chứng***: Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào.  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  **\*Để khắc phục sự sa sút của văn hóa đọc**.  "cần tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc".  *-> Phân tích tỉ mỉ, chi tiết.*  **\* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì**:  - Trải nghiệm về cách đọc sách. Người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách. Người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  *-> Liên hệ thực tiễn.*  **3.  Kết thúc vấn đề:**  *-*Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.  *-> Suy luận độc đáo.* |
| **III. TỔNG KẾT.** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **III. TỔNG KẾT.**  **1.Nghệ thuật**:  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  **2. Nội dung:**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hành:**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\*Viết kết nối:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  [Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ](https://blogtailieu.com/) đề: *Sách là để “lán giở trước đèn"*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **\*Thực hành Tiếng Việt:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV tổ chức cho HS chia nhóm và thực hiện câu hỏi thảo luận theo phiếu học tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thảo luận nhanh các câu hỏi   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm trình bày.  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  Bài 3. Hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Phần | Từ ngữ | Thuật ngữ | Từ ngữ thông thường | | a | Điệp khúc |  |  | | b | Năng lượng |  |  | | c | Bản đồ |  |  | | **V. LUYỆN TẬP- THỰC HÀNH:**  **a. Viết kết nối:**  **b. Thực hành Tiếng Việt:**  **Bài 1 :**  Câu a: ngụ ngôn;  Câu b: triết học;  Câu c: văn hoá;  Câu d: in-tơ-nét.  Căn cứ: các đơn vị trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể. Ngụ ngôn dùng để chỉ một thể loại văn học; triết học: chỉ một ngành khoa học; văn hoá: chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra; in-tơ-nét: chỉ một lĩnh vực của công nghệ thông tin. Đó là cơ sở đáng tin cậy để ta xác định các đơn vị đó là thuật ngữ.  **Bài 2:**  -**Ngụ ngôn**: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, kinh nghiệm sống.  **- Triết học:** khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  **- Văn hoá**: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.  **- In-tơ-nét:** hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thống dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **Câu 3:**  ***a. Những từ in đậm trong các câu sau là thuật ngữ:***  - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là ***điệp khúc.***  - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn ***năng lượng.***  - ***Bản đồ*** là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.  → Sở dĩ ta xác định được như vậy là dựa vào các câu có sử dụng những từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Trong câu, các từ ***điệp khúc, năng lượng, bản đồ*** chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn.  ***b. Những từ in đậm trong các câu sau là từ ngữ thông thường:***  - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một ***điệp khúc.***  - Đọc sách là một cách nạp ***năng lượng*** cho sự sống tinh thần.  - Cháu biết không, tấm ***bản đồ*** của ông lúc ấy thật sự bế tắc.  Trong các câu trên, các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đều được dùng theo nghĩa chuyển. Ví dụ, “Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc.”, thì bản đồ được hiểu là sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. Các từ điệp khúc, năng lượng ở hai câu còn lại cũng có tính chất như vậy. |

**--------------------------------------------------------------------**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

- HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận văn bản khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập văn bản theo yêu cầu.

***2. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức tìm hiểu, sử dụng thuật ngữ trong nói, viết một cách có hiệu quả. Chủ động tiếp nhận, hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tích cực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh, học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến. Trình bày một cách tự tin ý kiến của mình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ và đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS sử dụng được thuật ngữ một cách có hiệu quả trong khi nói và viết (đặt câu, viết đoạn văn).

- Năng lực văn học: HS cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng thuật ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.

***3. Phẩm chất:***

- Trách nhiệm: Học sinh có ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vận dụng kiến thức về thuật ngữ vào các văn bản được học và trong cuộc sống.

- Chăm chỉ: Học sinh chăm chỉ học tập, rèn luyện để sử dụng thuật ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Tìm hiểu, khám phá nghĩa của các từ (thuật ngữ) để mở rộng vốn hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu, phiếu bài tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề - 5 phút**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, tạo cơ sở để HS tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên bảng, một bạn dưới lớp. Bạn trên bảng sẽ được GV đưa cho các từ khóa. Bạn trên bảng sẽ gợi ý để bạn kia đoán ra các từ khóa. Lưu ý: không được gợi ý có bất kỳ từ nào có trong từ khóa.

- HS tiếp nhận và tham gia trò chơi.

(Từ khóa: Mặt trời, Chiến tranh,...

***- GV dẫn dắt:***

***Chúng ta vừa tham gia trò chơi Hiểu ý đồng đội, để đồng đội của mình hiểu được nghĩa của các từ này bạn còn lại đã dùng cách giải thích theo nghĩa thông thường. Tuy nhiên chúng ta còn có thể giải thích các từ khóa này bằng cách khác dựa vào tri thức khoa học. Lúc này các từ khóa đó sẽ được gọi là Thuật ngữ. Vậy thế nào là Thuật ngữ và đặc điểm của Thuật ngữ là gì? Chúng ta tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.***

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức - 10 phút**  **a. Mục tiêu:**  - Hình thành cho HS kiến thức về khái niệm, đặc điểm và cách xác định thuật ngữ. **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về thuật ngữ.  **c. Sản phẩm:**  - Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
|  | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu 1:**  Trong hai cách giải thích sau về nghiã của từ "nước", cách giải thích nào thông dụng ai cũng có thể hiểu đựơc? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học?  - Cách 1: Nước là chất lỏng không màu, không mùi, có trong sông, hồ, biển...  - Cách 2: Nước là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H2O  **Câu 2:**  Em hãy đọc các định nghĩa sau, cho biết các định nghĩa này ở những bộ môn nào? Các từ in đậm chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  - **Thụ phấn** là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.  - **So Sánh** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **- Thủy triều** là hiện tượng dao động, thường xuyên có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương.  **? Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  ***Câu 1:***  ***- Cách 1****: Giải thích đặc điểm bên ngoài của sự vật (dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị thế nào? Từ đâu hay từ đâu mà có) hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính, ai cũng có thể hiểu được.*  *-> Cách giải thích thông thường.*  ***- Cách 2:*** *Giải thích các đặc tính bên trong của sự vật, được cấu tạo từ yếu tố nào, mối quan hệ giữa các yếu tố đó ? -> Giải thích qua việc nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó*  *->Người nghe muốn hiểu phải có kiến thức chuyên ngành hóa học.*  ***Câu 2:***  *- Các định nghĩa thuộc bộ môn: Sinh học, văn học, địa lý.*  *- Sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ - cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong hộp *Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.*  **GV đưa ra ví dụ 1:**  a. **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  b. Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “muối” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **GV đưa ra ví dụ 2:**  a. Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một **ẩn số**.  b. **Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “ẩn số” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **? Từ hai ví dụ trên em hãy nêu chức năng của thuật ngữ?**  **? Từ đó nêu cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **- Ví dụ 1:**  *+ Muối (a) là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hóa học.*  *+ Muối (b) là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.*  **- Ví dụ 2:**  *+ Ẩn số (a) là từ thông dụng, có nghĩa là “điều chưa ai biết rõ”.*  *+ Ẩn số (b) là một thuật ngữ toán học, có nghĩa là “số chưa biết”.*  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ. (cuối SGK Ngữ văn 7)  + Đọc các từ điển chuyên ngành.(Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên) | **I. Thuật ngữ:**  **- Khái niệm:** Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.  **- Chức năng:**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  + Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.  + Đọc các từ điển chuyên ngành. |
| **3.Hoạt động 3. Luyện tập - 20 phút**  **a. Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức về thuật ngữ: nhận diện được thuật ngữ, căn cứ để xác định thuật ngữ, tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ.  **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm, làm việc cá nhân.  **c. Sản phẩm:**  - Kết quả bài làm nhóm, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 (SGK- 64)  **? Chỉ ra thuật ngữ trong các câu văn và cho biết dựa vào đâu em xác định được như vậy?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  - GV gọi các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **\* GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 (SGK-64)  ? Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1.  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 (SGK-64,65)  - GV chia lớp làm 3 nhóm thảo luận (5 phút)  + Nhóm 1: cặp câu thứ nhất  + Nhóm 2: cặp câu thứ hai  + Nhóm 3: cặp câu thứ ba  ? Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định?  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện theo yêu cầu.  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, tuyên dương nhóm tích cực hoạt động, có thể cho điểm. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 (SGK-64)**  a. ngụ ngôn  b. triết học  c. văn hóa  d. in-tơ-nét  **- Căn cứ:** các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:  + Ngụ ngôn – thể loại văn học  + Triết học – ngành khoa học  + Văn hóa – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra  + In-tơ-nét – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.  **Bài 2 (SGK-64)**  - Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.  - Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  - Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.  - In-tơ-nét: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **Bài 3 (SGK-64,65)t** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thuật ngữ** | **Từ ngữ thông thường** | | **a. Cặp câu thứ nhất** | - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc. | - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. | | **b. Cặp câu thứ hai** | - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng | - Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. | | **c. Cặp câu thứ ba** | - Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lý được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. | - Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. | | **Căn cứ xác định:** | - Dựa vào các câu có sử dụng các từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. | - Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đề được dùng theo nghĩa chuyển.  + Điệp khúc: sự lặp đi lặp lại trong lời nói.  + Năng lượng: nguồn sống cho cơ thể  + Bản đồ: sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. | | |
| **4.Hoạt động 4: Vận dụng, tìm tòi mở rộng (10 phút)**  **a. Mục tiêu**  - Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).  **b. Nội dung**  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về trạng để viết đoạn văn.  **c. Sản phẩm**  - Đoạn văn của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (6-8 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có sử dụng thuật ngữ.  - GV gợi ý:  **\* Về hình thức:**  - Đảm bảo dung lượng đoạn văn.  - Đặt câu đúng câu trúc ngữ pháp.  - Trình bày sạch đẹp.  **\* Về nội dung:**  - Chủ đề tự chọn  - Sử dụng ít nhất một thuật ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc đoạn văn  - GV gọi HS nhận xét.  - HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn bằng Rubrics.  - GV nhận xét, đánh giá bằng Rubrics.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chiếu đoạn văn mẫu:  ***Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hiđrô và ôxi, có công thức là H2O.* ***Nước*** *rất quan trọng với mọi sự sống trên trái đất. Khi cơ thể người với 70% là nước. Khi thiếu nước chỉ ba ngày là người đó có thể chết, trong khi đó, nếu thiếu thức ăn mà vẫn có nước ta có thể sống đến một tuần hoặc hai tuần. Quá trình hút chất dinh dưỡng của thực vật cũng là hút nước và muối khoáng. Nước có mặt trong toàn bộ các hoạt đông sống. Nhưng hiện nay, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng mà* ***tác nhân*** *chính đó chính là con người. Vậy nên mỗi người chúng ta hãy cố gắng giữ gìn môi trường sạch sẽ để bảo vệ chính chúng ta và tất cả sinh vật xung quanh.* | |

----------------------------------------------------------------

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**VĂN BẢN 3 : NÓI VỚI CON**

***(Y Phương)***

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bĩ của “người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương. [1].

- Tình cảm thắm thiết của cha mẹ với con cái. [2].

- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương. [3].

- Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ. [4].

***2. Về năng lực:***

***\* Năng lực chung:***

**-** Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [5].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bàigiảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [6].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt [7].

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình. [8].

- Phân tích cách diễn đạt độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi. [9].

***\* Năng lực riêng:***

- Năng lực tự học và sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác.... [10].

- Năng lực cảm thụ văn học, đọc hiểu tác phẩm thông qua đặc trưng thể loại. [11].

***3. Về phẩm chất:***

- Trân trọng tình yêu cha mẹ trong cuộc sống, biết kế tục và gìn giữ bản sắc truyền thống của cha ông.

- Giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Bài soạn, sách tham khảo, máy tính, loa đài. Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

2. Học sinh: Đọc trước bài và soạn bài, hoàn thành phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh nghe bài hát “Tình cha” -> Đặt câu hỏi: Em cảm nhận được gì từ lời bài hát đó?

- HS trình bày ý kiến.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV tổ chức cho Hs nghe bài hát.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe âm thanh, giai điệu lời bài hát để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GVchỉ định Hs trả lời.

- Hs báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và nhấn mạnh nội dung câu hỏi.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

GV nhận xét, dẫn vào bài: *Lòng thương yêu con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê hương vốn là một tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam từ xưa đến nay. Bài thơ “****Nói với con****” của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong nguồn cảm hứng rộng lớn, phổ biến ấy nhưng tác giả lại có cách nói xúc động của riêng mình. Điều tạo nên cái riêng, động đáo ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (90’)**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản (70’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | |
| **Mục tiêu**:[1]; [2]; [3]; [4]; [5]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻn hóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **1. Tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Y Phương? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | | 4. Văn bản được viết theo đề tài nào? | ………………………………………………….  ………………………………………………… |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sảnphẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo ( nếu thấy chính xác). Đổi phiếu hoạt động cặp đôi cho nhau để kiểm tra, nhận xét bổ sung kiến thức.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau:  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **a. Đọc**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  +Thể hiện tình cảm chân thành  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại trong phiếu học tập số 1.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **C:\Users\Administrator\Desktop\1552535612026.jpg1. Tác giả**  **\* Tác giả**: Y Phương ( 1948) tên Hứa Vĩnh Sước- Quê Trùng Khánh – Cao Bằng- Là nhà thơ dân tộc Tày.  Thơ ông mộc mạc, chân thành, sâu lắng thiết tha.  **2. Tác phẩm**:  **a. Đọc**  - Giọng ấm áp, yêu thương  tự hào.  - Được in trong tập thơ Việt Nam (1945-1985).  **b.Tìm hiểu thể thơ, bố cục:**  - Thể thơ tự do.  - Nội dung: Bài thơ là lời tâm tình đầy trìu mến thương yêu của người cha với con về cuội nguồn sinh dưỡng, về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương.  **+ 2 phần**:  - P1 đến “ trên đời”-> Nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng.  - P2: Còn lại-> Nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong ước về con.  => Mạch cảm xúc: Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm thân thiết gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI (60’)** | | |
| **1. Cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng:** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [7]; [8]  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5,6.  - Thời gian: 10 phút   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | 1. Bài thơ Nói với con thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Đọc 4 câu thơ đầu em hình dung được cảnh gì? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 3. Để diễn tả sự lớn lên của con, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | | 4. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì? | ………………………………………………….  ………………………………………………… | | 5. Tác dụng của các hình ảnh và cách diễn đạt đó? | …………………………………………………  …… | | 6. Ngoài 4 câu thơ trên, còn có câu thơ nào cũng nói về cuộc sống gia đình hạnh phúc, đầm ấm? | …………………………………………………  …… |   \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của người cha lên màn hình máy chiếu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc bốn câu thơ đầu:  “*Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **\* Con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ.**  - Hình ảnh bước chân.  *Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  -> Điệp ngữ, phép liệt kê -> tả, kể đứa trẻ lẫm chẫm tập đi, tập nói lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.  -> *Tạo không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt*.  **\* Con lớn lên trong sự đùm bọc của quê hương nghĩa tình.**  => Các động từ “cài, ken” + các danh từ “nan hoa, câu hát” -> cuộc sống tươi vui, đoàn kết gắn bó của “người đồng mình”  => Cách nói ví von, giàu hình ảnh qua những hình ảnh cụ thể “rừng - hoa”, “con đường - tấm lòng” + điệp từ “cho”  => Miêu tả cụ thể cuộc sống lao động cần cù, tươi vui, ngoài ra còn thể hiện sự gắn bó, quấn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương.  *Rừng cho hoa*  *Con đường cho những tấm lòng*  -> Nghệ thuật: ẩn dụ ->Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình;đó là sự che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.  ***-> Gia đình, quê hương chính là nôi êm của đời con.*** | |
| **2. *Người cha nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong muốn của cha.*** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [9]; [10]  **Nội dung**: **GV** sử dụng cặp đôi để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về lời của người cha nói với con.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs nghiên cứu ngữ liệu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  ? Con được lớn trong tình yêu thương sự nâng đỡ của cha mẹ, bên cạnh đó con còn được lớn, trưởng thành từ đâu nữa?  ? Cuộc sống lao động của người đồng mình được gợi lên qua các hình ảnh nào?  ? Nhận xét gì về các từ **cài, ken** trong hai câu thơ trên?  ? Cuộc sống lao động của “**Người đồng mình**” là cuộc sống như thế nào?  ? Từ những đức tính quý báu này của *“người đồng mình”*, người cha mong ước ở con điều gì? Em có nhận xét gì về những điều mong ước đó?  ? Cuối cùng người cha thúc giục con yêu điều gì?  ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc của bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc bốn câu thơ đầu:  “*Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả đã nhập thân vào người cha để tâm sự với con của minh mà ta ngỡ như nhà thơ đang đối thoại với chính chúng ta vậy. Những lời vàng ngọc mà thấm thía như làm cho tâm hồn ta thêm trong sạch và phong phú hơn. Đó cũng chính là sức mạnh cảm hóa đặc biệt của văn chương trong đời sống tinh thần của con người. | \* Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, về những truyền thống văn hóa của quê hương:  => Điệp ngữ “người đồng mình” được lặp lại 3 lần; lời thơ mộc mạc tha thiết được thể hiện qua các thán từ “thương lắm, yêu lắm”, “con ơi”; cách nói vừa cụ thể vữa giàu hình ảnh “Cao đo nỗi buồn, xa nôi chí lớn”, “đục đá kê cao quê hương”, “thô sơ da thịt”  => Khẳng định, tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “người đồng mình”: tuy vất vả mà mạnh mẽ khoáng đạt, gắn bó với quê hương; dù mộc mạc, thô sơ về hình thức (da thịt) nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, tinh thần “không ai được nhỏ bé”. “Người đồng mình” giàu lòng tự tôn, có ý thức về bản sắc dân tộc, tự , làm nền văn hóa, phong tục riêng biệt “Tự đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục”.  \* Mong ước của người cha:  *- Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *…………………………………..*  *Lên thác xuống nghềnh không lo cực nhọc*  *- Lên đường*  *Không bao giờ nhỏ bé được*  *Nghe con.*  => Điệp từ “sống”, “không chê”, phép so sánh, cách nói vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, giọng thơ khẳng định tâm tình tha thiết  => Mong muốn – lời dặn dò ân cần của người cha: con phải sống thủy chung với quê hương, làng bản; chấp nhận và vượt qua những thử thách bằng niềm tin và sự nỗ lực của bản thân. Luôn tự hào về quê hương, tự tin vào chính mình để vững bước trên con đường đời. | |
| **III. TỔNG KẾT (7’)** | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Đánh giá, kết luận (GV):**  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể thể hiện các nói đặc trưng của đồng bào miền núi.  - Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm - nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.  **2. Nội dung**  - Người cha nói với con người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc lam lũ nhưng mạnh mẽ, giàu chí lớn, luôn yêu quý tự hào và gắn bó với quê hương. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Qua bài thơ, em thấy tình cảm của người cha đối với con như thế nào? Điều lớn nhất người cha muốn truyền cho con và giáo dục con là gì?

? Phát biểu suy nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời.
* GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**B4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Nói với con, người cha đã bộc lộ chính mình. Em thấy người cha trong bài thơ là người như thế nào?

? Nếu là con người, em có suy nghĩ gì trước những lời nhắn nhủ của người cha?

? Vẽ sơ đồ tư duy bài thơ “ Nói với con” của tác giả Y Phương

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- 2 HS trả lời.

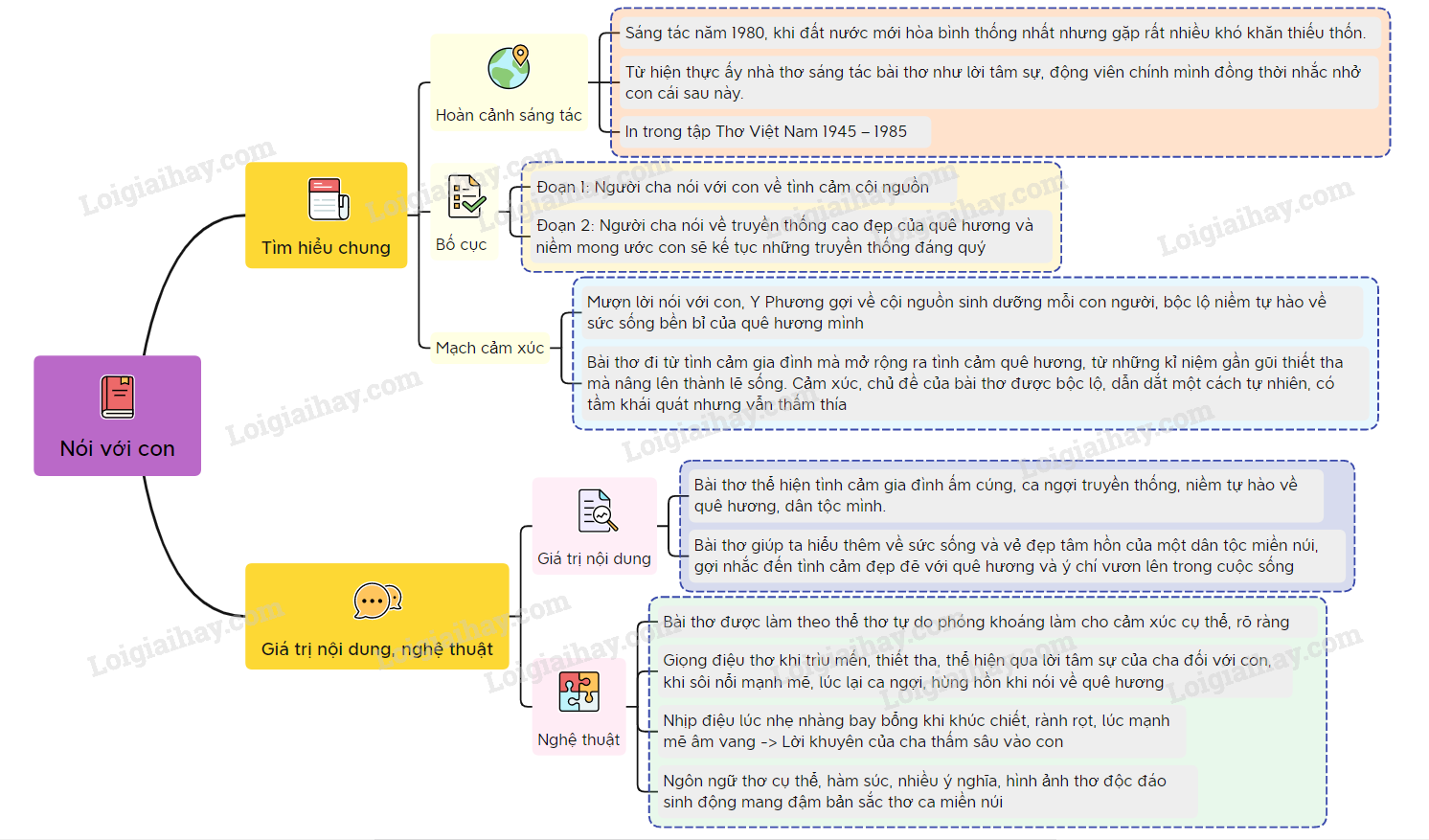
- HS trình bày ý kiến.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, định hướng câu trả lời liên hệ thực tế cho các em.

- HS vẽ sơ đồ tư duy theo gời ý dưới đây trên máy chiếu.



----------------------------------------------------------

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Nắm được cấu trúc 3 phần của bài viết trình bày một vấn đề đời sống.

- Nắm được cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh vấn đề.

- Nắm được các bước làm bài viết về một vấn đề trong đời sống.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực trình bày vấn đề trước đám đông

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có quan điểm riêng, lập trường vững vàng đối với mỗi vấn đề đặt ra trong đời sống

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Video những hiện tượng xảy ra trong đời sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Mở đầu ( Khởi động- 5p)**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, lam frox bản chất của vấn đề.

Thể hiện được rõ ràng ý kiến phản đối hoặc cách hiểu khác của người viết.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - HS quan sát video trên máy chiếu về hiện tượng ô nhiễm môi trường  ? Em có đồng ý với việc làm xả rác bừa bãi của một số người không? Vì sao?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh kĩ năng nói và nghe. | - Quan điểm cá nhân của từng HS |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (15p).**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.

-Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.

-Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ( trình bày ý kiến tán thành)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hs trả lời các câu hỏi sau:  + Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?  + Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?  + Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?  + Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt trong một bài viết. | 1. Vấn đề đời sống được nêu ra bàn luận phải rõ ràng, xác đáng  2. Nêu được một quan niệm về vấn đề bàn luận  3. Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.  4. Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục. |

**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** - Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của việc đọc bài viết tham khảo.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hs đọc bài viết tham khảo SGK “ Việc lớn, việc nhỏ”  + Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài văn nghị luận?  + Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?  + Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?  + Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến?  + Bằng chứng nào nêu lên để củng cố cho lí lẽ?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  GV dung phương pháp đàm thoại để học sinh trả lời câu hỏi-> Hs tán thành và phải bảo vệ ý kiến của mình.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh yêu cầu khi đọc trong các thẻ. | **1. Học sinh đọc và phân tích bài viết tham khảo**  1. Bài viết nêu vấn đề: Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.  2. Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người  3. Người viết tán thành với ý kiến đó. ( Riêng tôi sau khi suy nghĩ kỹ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí).  4. Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thưở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.  5. Người viết nhớ lại một kỉ niệm: Giơ bốn ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp. |

**3.Hoạt động 3: Luyện tập (25p).**

**IV. Thực hành viết theo các bước**

**a.Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người viết, thực hiện đầy đủ các bước theo hướng dẫn.

- Hs đưa ra ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Gv hướng dẫn Hs lựa chọn đề tài phù hợp  - Hs tham khảo các ý trong SGK để trả lời.  - HS lựa chọn các ý trong bì viết:  + Vấn đề gì cần bàn luận ở bài viết?  + Trước ý kiến trái ngược với quan điểm của bản thân, cần thể hiện ý kiến của mình như thế nào?  + Làm cách nào để ý kiến của mình thuyết phục người đọc?   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý**  **Họ và tên:……………….Lớp……………….**  **Gợi ý: Đọc kỹ đề tài, ghi lại những ý nảy sinh**  **trong quá trình suy nghĩ ghi vào cột bên phải** | | | Vấn đề đới sống bàn luận | …………………………………………………  ………………………………………………… | | Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành ( Ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở ( Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?) | ………………………………………………….  ………………………………………………… |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp trong trình bày bài nói. | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết  - Có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá.  - Có thể xác định thái độ dứt khoát với vấn đề đó.  **b. Tìm ý**  - HS bộc quan điểm cá nhân trong việc tìm ý.  - Hs ghi các ý tìm được ra vở ghi  **c. Lập dàn ý**  **Mở bài:** Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận vấn đề.  **Thân bài:**  + Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  + Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm ( lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống ( lí lẽ, bằng chứng)  **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.  **2. Viết bài**  Tham khảo mở bài- thân bài- kết bài SGK  **3. Chỉnh sửa bài viết**   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Gợi ý chỉnh sửa | | Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối | Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ | | Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu | Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng | | Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục | Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu thấy còn thiếu | | Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiế trái ngược vấn đề. | Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa hoặc nêu chưa rõ. | | Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết. | Sửa những lỗi phát hiện được. | |

**Phiếu đánh giá bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài viết có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài viết có thể hiện được tính hấp dẫn, thiết thực của vấn đề được chọn |  |
| Bài viết có lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, có các phương tiện liên kết |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí |  |
| Bài viết nêu được quan điểm của cá nhân |  |

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Nắm được cấu trúc 3 phần của bài nói trình bày một vấn đề đời sống

- Nắm được cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh vấn đề

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực trình bày vấn đề trước đám đông

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có quan điểm riêng, lập trường vững vàng đối với mỗi vấn đề đặt ra trong đời sống

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

- Video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.

-Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.

-Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

- Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Có ý kiến cho rằng, việc bảo vệ môi trường thiên nhiên là của người trưởng thành không phải của trẻ nhỏ. Em đồng tình hay phản đối ý kiến trên? Vì sao?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh kĩ năng nói và nghe. | - Quan điểm cá nhân của từng HS |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập.**

|  |
| --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  - Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người nghe, lựa chọn đề tài của bài.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| **Tổ chức thức hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Hãy xác định vấn đề đời sống mà em định trình bày?  - Em sẽ sử dụng lí lẽ và bằng chứng nào để bảo vệ ý kiến của mình?  - Luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp trong trình bày bài nói. | **Bước 1: Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói**.  **Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định vấn đề mà em định trình bày  - Những lí lẽ và bằng chứng bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe  **Bước 3: Luyện tập, trao đổi, đánh giá.**  - Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè)  - Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  - Trao đổi theo các tiêu chí trong phiếu học tập số 1. |

|  |
| --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Tổ chức cuộc thi trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống giữa các tổ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, người trình bày  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện HS báo cáo kết quả, HS khác nhóm khác lắng nghe, phản biện  ***Bước 4: Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Lắng nghe, đánh giá bài nói của bạn theo các tiêu chí (phiếu học tập số 1)  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, đánh giá bài nói.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  - GV chốt và mở rộng kiến thức. | Phiếu đánh giá (1) |

**3.Hoạt động 3: Vận dụng**

**Mục tiêu:**

- HS vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong đời sống

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Trình bày quan điểm của em về ý kiến sau: Tinh thần đoàn kết của dân tộc chỉ cần khi có chiến tranh còn trong thời bình thì không.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV nhận xét, biểu dương sự cố gắng của HS. | Dàn ý:  - MB: Nêu được vấn đề và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề  - TB:  + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận   * Chiến tranh cần tập hợp lực lượng quân dân để chiến đấu chống giặc ngoại xâm * Trong thời bình không có giặc ngoại xâm nên mệnh ai người ấy làm   + Phản đối các khía cạnh của ý kiến  -Trong chiến tranh tất yếu phải có tinh thần đoàn kết nhưng trong thời bình tinh thần ấy vẫn phải phát huy bởi:  -Ngoài việc bảo vệ đất nước chúng ta cần xây dựng một đất nước hùng mạnh  -Trong lao động sản xuất cần đoàn kết để cho kết quả tốt  -Đoàn kết giống như một làn sóng mạnh mẽ, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm lũ bán nước và lũ cướp nước  + Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến đối với đời sống  -Ảnh hưởng đến suy nghĩ, hành động của mọi thế hệ người dân Việt  -Trong công việc nếu không có tinh thần đoàn kết sẽ không đem lại hiệu quả  -Trong các mối quan hệ xã hội nếu không có đoàn kết rất dễ dẫn đến chia rẽ, tan rã, tạo cơ hội cho kẻ thù tấn công  - KB: Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài nói có thể hiện được tính hấp dẫn, thiết thực của vấn đề được chọn |  |
| Bài nói có lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, có các phương tiện liên kết |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí |  |
| Giọng to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung vấn đề |  |
| Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng trình bày, nét mặt, cử chỉ hợp lí |  |
| Sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video… |  |

------------------------------------------

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT:**

**THỰC HÀNH ĐỌC:**

**CÂU CHUYỆN VỀ CON ĐƯỜNG**

**-Đoàn Công Lê Huy-**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Nhận biết được những ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường” và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình;

- Xác định được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung:***

- Tự chủ và tự học: Tự chủ trong việc xác định và lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình, tự thực hành đọc một văn bản nghị luận

- Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác khi làm việc nhóm và trình bày suy nghĩ của bản thân.

- Giải quyết vấn đề: biết xác định và giải quyết các vấn đề liên quan đến bài học và thực tế cuộc sống.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Ngôn ngữ: phát triển ngôn ngữ nói và viết;

- Tìm hiểu tự nhiên và xã hội: năng lực tìm hểu về nghề nghiệp, thị trường lao động và các hướng đi sau khi tốt nghiệp THCS.

***3. Về phẩm chất:***

Trách nhiệm: có trách nhiệm đối với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến văn bản

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về văn bản “Câu chuyện con đường”

**Nội dung**: HS dùng trải nghiệm thực tế để trả lời câu hỏi.

**Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1:** Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

**- GV đặt câu hỏi**: Em hãy kể tên và nêu ý nghĩa của các nghề nghiệp mà em biết? Em có suy nghĩ gì về định hướng nghề nghiệp của bản thân trong tương lai?

**B2:** Thực hiện nhiệm vụ- HS suy nghĩ cá nhân

**B3:** Báo cáo, thảo luận – HS trả lời câu hỏi của giáo viên

**B4:** **dẫn dắt, kết nối (GV):**

***Trong xã hội, có nhiều nghề nghiệp khác nhau. Mỗi nghề đều có những đóng góp quan trọng cho xã hội. Và mỗi nghề lại yêu cầu một hoặc một số tố chất nhất định. Vậy để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cũng như con đường đúng đắn, mỗi người trong chúng ta cần có định hướng về con đường cho bản thân mình ngay từ đầu. Nhưng “con đường”- ngoài ý nghĩ là sự định hướng về nghề nghiệp thì còn có nhiều ý nghĩa khác.Vậy “con đường” mang những ý nghĩa nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay để giải đáp câu hỏi đó.***

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **a.Mục tiêu**: HS biết cách đọc và tìm hiểu thông tin liên quan đến tác giả và tác phẩm  **b.Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm, kĩ thuật cặp đôi  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  *Ai là tác giả của VB “Câu chuyện về con đường”? VB được trích từ đâu?*  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS đọc chú thích (1)-tr.74. Thảo luận  B3: Báo cáo, thảo luận  B4: Kết luận, nhận định | **1. Tác giả**  Đoàn Công Lê Huy (1963), quê ở Thừa Thiên-Huế. Ông là nhà văn thường viết cho lứa tuổi học trò.  **2. Tác phẩm**  Trích từ cuốn “Gửi em mây trắng”, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016, Tr.7-12. |
| **II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu**: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục, vấn đề chính của VB  **b. Nội dung hoạt động**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động.** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(1) HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  -Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK:  **(2) HỌC SINH THẢO LUẬN NHÓM THEO KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN**  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  *+* ***Văn bản viết về vấn đề gì?***  ***HS nhận nhiệm vụ thảo luận nhóm, theo kĩ thuật khăn trải bàn (mỗi nhóm cá nhân ghi ý kiến riêng của mình (3P)***  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. ***Mỗi nhóm thống nhất ghi đáp án chung vào ô giữa phiếu.***  + GV quan sát, khích lệ HS.  Câu hỏi tháo gỡ kk.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Ngoài phương thức nghị luận là chính, HS có thể thấy VB còn có PTBĐ khác kết hợp như tự sư, biểu cảm. | **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó ( SGK-T74- 75)  **2. Kết cấu:**  **a. Phương thức biểu đạt:** nghị luận.  **b. Bố cục:** 3 phần  *- Phần 1* (Từ đầu … đến *"Con đường có ý nghĩa sớm hơn em tưởng."):* Nêu vấn đề nghị luận  *- Phần 2*  (Tiếp … đến “*không bao giờ là yếu tố quyết định thành công”*): Bàn luận vấn đề- những ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường”  *- Phần 3* (Đoạn còn lại): Kết thúc vấn đề- vai trò của các nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.  **c. Vấn đề bàn luận:** Ý nghĩa của hình ảnh “con đường” và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình. |
| **III. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | |
| ***1. Nêu vấn đề nghị luận*** | |
| **a. Mục tiêu**: - HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn  **b. Nội dung hoạt động**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động.** | |
| (1) HS thực hiện hoạt động theo hình thức cá nhân:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản Từ đầu … đến *"Con đường có ý nghĩa sớm hơn em tưởng"):* Nêu vấn đề nghị luận  ? Tác giả nêu vấn đề bằng mấy câu văn? Hãy đọc những câu văn ấy  ? Tác giả đã nêu vấn đề bằng cách nào?  ? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách nêu vấn đề đó là gì?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  Gợi mở: *dùng lời kể để giới thiệu vấn đề sẽ có tác dụng như thế nào cho Vb nghị luận?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | - “*Không phải đợi đến lúc ngồi trước bộ hồ sơ thi đại học em mới nghĩ về con đường em đi. Con đường có ý nghĩa sớm hơn em tưởng”.*  .=> Tác giả nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn.  - NT: Nêu tình huống=>tăng tính hấp dẫn, gây tò mò. |
| **2. Đặc điểm và ý nghĩa phong phú của hình ảnh “Con đường”** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết hệ thống lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả dùng để lập luận làm nổi bật ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường”  - Rút ra được bài học về cách dùng dẫn chứng trong văn nghị luận  - Hiểu được tình cảm của tác giả trước vấn đề được bàn bạc, trao đổi.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhóm, kĩ thuật mảnh ghép  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động.** | |
| GV hướng dẫn HS thực hiện **kĩ thuật mảnh ghép,** hoàn thành nhiệm vụ học tập Thời gian: 10 phút  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo nhóm chuyên gia- giáo viên chia lớp làm 4 nhóm, thảo luận trong 5 phút.**  - Nhóm 1: Đọc đoạn *“Ngay từ khi em còn nằm cuộc tròn..”* đến *“...là thước đo chân em dài đi vào tương lai”.*  Xác định lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đã đưa ra trong văn văn trên và qua đó tác giả cho biết con đường có ý nghĩa như thế nào?  - Nhóm 2: Đọc đoạn *“Con đường mở ra văn minh nhân loại...”* đến *“...những nẻo đường ngang dọc mới đang chờ em đó.”.* Xác định lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đã đưa ra trong văn văn trên và qua đó tác giả cho biết con đường có ý nghĩa như thế nào?  - Nhóm 3: Đọc đoạn *“Đường và chân là đôi bạn thân”* đến *“...khi ta đã rời xa”.* Xác định lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đã đưa ra trong văn văn trên. Qua đó rút ra những đặc điểm của “ Con đường”  - Nhóm 4: Đọc đoạn *“Em biết không, có một con đường gắn chặt với số phận mỗi người...”* đến *“...không bao giờ là yếu tố quyết định thành công.”.*  Xác định lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đã đưa ra trong văn văn trên và qua đó tác giả cho biết con đường có ý nghĩa như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**- Thảo luận, làm việc theo nhóm chuyên gia  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận- *Vòng mảnh ghép (5 phút)***  - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới, số 4 tạo thành nhóm IV mới & chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu.  **GV**  - Yêu cầu các nhóm chuyên gia tạo thành các nhóm mảnh ghép  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS** - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** | **a.Đặc điểm của “Con đường”**  - “Đường không có chân sẽ không còn là con đường, là sự hoang vu...”;  - “Người không có đường sẽ không đi về đâu cả...”;  - “Sống động, có linh hồn”.  **b. Ý nghĩa phong phú của hình ảnh “Con đường”:**  *- “Con đường là chứng nhân đợi chờ em lớn lên”;*  *- “Con đường mở ra văn minh nhân loại, là biểu tượng cho sự trưởng thành của một quốc gia”;*  *- “Con đường gắn chặt với số phận mỗi người. Ấy là “đường đời””.* |
| **3. Vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Hiểu được vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.  **b.** **Nội dung hoạt động**:  - GV sử dụng , tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân .  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động.** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** KT TRÌNH BÀY 1 PHÚT  Vậy phần kết thúc VB, tác giả khẳng định cá nhân có vai trò như thế nào trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.  - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần).  **HS**- Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | - Mỗi cá nhân có vai trò quyết định trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình:  *+ “ Không ai có thể trả lời câu ỏi đó giúp em”;*  *+ “Để đi đến đích, em phải trải qua không ít khó khăn, thử thách, gian nan”*  *+ “Đường đi khó không phải vì ngăn sông cách núi, mà vì lòng người ngại núi e sông”*   * Sự quyết tâm, nỗ lực mới giúp con người đi đến thành công trên những con đường đã chọn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **IV. TỔNG KẾT (…’)** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung của VB  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời học tập của HS đã hoàn thành.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận trong bàn trong 02 phút:** Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả Đoàn Công Lê Huy?  Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục. **2. Nội dung, ý nghĩa :**  - “Con đường” là một hình ảnh mang nhiều ý nghĩa gắn bó mật thiết với con người.  - Mỗi cá nhân có vai trò quyết định trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.  - hỉ có sự quyết tâm, nỗ lực mới giúp con người đi đến thành công trên những con đường đã chọn. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**:

**c. Sản phẩm:** Khả năng trình bày ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: Trò chơi tập làm nhà hùng biện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu vấn đề:**

Nhà văn Lỗ Tấn đã từng nói: *"Trên đường thành công không có bước chân của kẻ lười biếng"* . Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Em hãy đưa ra bằng chứng và lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.  
 **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đưa ra lập luận bảo vệ quan điểm của mình. Tập hùng biện trước lớp.

GV đưa ra tiêu chí đánh giá:

**Bước 4: GV đánh giá**, cho điểm các bày hùng biện hay.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  kĩ thuật công não.  Câu 1: Từ việc đọc hiểu văn bản "Câu chuyện về con đường", em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận. Câu 2:  Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  *“Trên đường đời của bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thật sự thất bại. Điều chúng ta cần ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đỗ - trượt. Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ sai lầm ngớ ngẩn của minh bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm.Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình, và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn, Winston Churchill đã nắm bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: “ Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên”.*  (Trích “ Cuộc sống không giới hạn”, Nick Vujicic)  a. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  b. Theo tác giả con người thực sự thất bại khi nào?  c.Vì sao tác giả lại cho rằng: “Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp” ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu 1,2  Câu 3 suy nghĩ độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm câu 1,2  **-** HS nêu ý tưởng về đoạn văn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:  - ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*  - **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.  **Câu 2:**  a. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **b.** Vấp ngã là điều bình thường bởi ai cũng có lúc thất bại và vấp ngã trong cuộc sống, chỉ trừ những người không dám đứng dậy sau vất ngã hay chính là sợ hãi, không dám đối mặt với những điều xấu nhất có thể sảy ra thì họ mới là người thực sự thất bại.  **c.** Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của mình là đồng tình hoặc không đồng tình. Đồng thời đưa ra lập luận giải thích cho quan điểm đó.)  Ví dụ: Đồng tình vì:  - Thất bại là một phần của cuộc sống và đó là điều rất bình thường, không ai không thành công mà không trải qua những thất bại.  - Thất bại thử thách sự kiên nhẫn của con người. Con người biết theo đuổi đam mê, chắc chắn sẽ thành công.  - Thất bại cho con người những bài học kinh nghiệm quý báu để nuôi dưỡng đam mê của chính mình. |

1. [↑](#footnote-ref-1)